

Số 21/2023/QĐST-HNGĐ

Hà Tĩnh, ngày 27 tháng 01 năm 2023,

**QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH
(V/v yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn)**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

Thành phần giải quyết việc Hôn nhân gia đình:

Thẩm phán chủ tọa phiên họp: Ông Bùi Văn Lam

Thư ký ghi biên bản phiên họp: Bà Trần Thị Thúy Hạnh

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên họp: Bà Hồ Thị Thùy Linh- Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, mở phiên họp công khai giải quyết việc Hôn nhân gia đình thụ lý 187/2022/TLST-HNGĐ ngày 18/10/2022, về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, theo Quyết định mở phiên họp số 10/2023/QĐ-TA ngày 10 tháng 01 năm 2023, bao gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân gia đình:

1. Anh Nguyễn Mạnh T; sinh ngày 22/7/1990; CMND số 183718384; Nơi ĐKKHKT trước khi xuất cảnh: Thôn E, xã C, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh.

2. Chị Phan Thị L; sinh ngày 04/4/1992; CMND số 184002596; Nơi ĐKKHKT trước khi xuất cảnh: Thôn E, xã C, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh. Hiện đang lao động tại Đài Loan.

NỘI DUNG VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH:

Theo Đơn yêu cầu ly hôn, Bản tự khai cũng như các tài liệu khác có tại hồ sơ, anh Nguyễn Mạnh T trình bày như sau:

Quan hệ hôn nhân: Anh và chị Phan Thị L đăng ký kết hôn vào ngày 22 tháng 12 năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh. Kết hôn tự nguyện. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn (02 tháng) thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do cuộc sống gặp nhiều khó khăn, công việc không ổn định, quan điểm bất đồng nên vợ chồng thường xuyên tranh cãi, cuộc sống nặng nề.

Năm 2016, anh T đi lao động tại Đài Loan. Năm 2018 anh T về Việt Nam thì chị L lại đi nước ngoài. Một thời gian sau, anh T tiếp tục sang nước ngoài lao động. Mặc dù, cùng sinh sống tại Đài Loan tuy nhiên vợ chồng không sống chung.

Nhận thấy mâu thuẫn trầm trọng, không mong muốn tiếp tục duy trì quan hệ vợ chồng nên anh Nguyễn Mạnh T làm đơn yêu cầu được ly hôn với chị Phan Thị L.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Ngọc Á, sinh ngày 28/10/2016. Hiện nay con chung đang sinh sống cùng ông bà ngoại (bố mẹ đẻ của chị L) nên anh yêu cầu giao con chung cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Trong thời gian chị L chưa về nước anh đồng ý để bà Nguyễn Thị T1 (mẹ đẻ chị L) thay chị L chăm sóc con chung. Anh tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ từ thời điểm ly hôn đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Mạnh T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị Phan Thị L trình bày (thông qua hệ thống trực tuyến ngày 16/12/2022) có nội dung thống nhất với anh Nguyễn Mạnh T về thời gian, thời điểm kết hôn; thời điểm và nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Chị đồng ý với các yêu cầu của anh Nguyễn Mạnh T về các quan hệ tình cảm, con chung và tài sản chung. Đồng thời chị có yêu cầu được vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết và ủy quyền giao nhận tài liệu chứng cứ cho bà Nguyễn Thị T1.

Người tham gia tố tụng khác bà Nguyễn Thị T1 đồng ý nhận ủy quyền giao nhận tài liệu chứng cứ của chị Phan Thị L và đồng ý chăm sóc cháu Nguyễn Ngọc Á thay chị Phan Thị L trong thời gian chị L chưa về nước và không có yêu cầu gì về việc nuôi dưỡng cháu Á.

Tại phiên họp, những người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân gia đình có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đại diện VKSND tỉnh Hà Tĩnh sau khi nhận xét việc chấp hành pháp luật của thẩm phán, thư ký và các đương sự đã phân tích nội dung vụ việc, các vấn đề đương sự đã thỏa thuận thống nhất được với nhau, đề nghị Tòa án áp dụng Điều 369, Điều 370 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 51, 55, 81, 82, 83 123, 127 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội chấp nhận yêu cầu của các đương sự: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Mạnh T và chị Phan Thị L. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận giao con chung Nguyễn Ngọc Á cho chị Phan Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Công nhận sự tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ của anh Nguyễn Mạnh T. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, nên không xem xét. Về lệ phí: Chấp nhận sự tự nguyện nộp lệ phí ly hôn sơ thẩm và lệ phí cấp dưỡng tiền nuôi con chung của anh Nguyễn Mạnh T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc Hôn nhân gia đình đã được thẩm tra tại phiên họp và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát; Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Anh Nguyễn Mạnh T và chị Phan Thị L có đăng ký hộ khẩu thường trú tại huyện N, tỉnh Hà Tĩnh, đều có yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh giải quyết việc hôn nhân gia đình. Hiện tại, cả hai đương sự đang cư trú tại nước ngoài. Căn

cứ quy định tại các Điều 29, 35, 37, 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.2] Quá trình giải quyết, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các biện pháp thu thập chứng cứ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và hướng dẫn của Tòa án nhân dân Tối cao tại công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 về giải quyết vụ án Ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài. Thông qua gia đình, chị Phan Thị L đã trình bày đầy đủ quan điểm, nguyện vọng về các mối quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung. Việc trình bày quan điểm chị L qua hình thức trực tuyến được thực hiện đúng quy định.

[1.3] Tại phiên họp, anh Nguyễn Mạnh T và chị Phan Thị L vắng mặt, tuy nhiên cả hai đều có yêu cầu được vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành mở phiên họp giải quyết việc Hôn nhân gia đình vắng người yêu cầu theo thủ tục chung.

[2.] Về nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Mạnh T và chị Phan Thị L tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, tuân thủ các điều kiện và đăng ký kết hôn vào ngày 22 tháng 12 năm 2014 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh. Căn cứ quy định tại các Điều 9, 11, 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, quan hệ hôn nhân của chị H và anh T2 là hợp pháp.

Xác định tình trạng hôn nhân của anh Nguyễn Mạnh T và chị Phan Thị L thấy rằng:

Theo trình bày của cả hai anh chị thì vợ chồng chỉ chung sống hạnh phúc được 02 tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, cuộc sống khó khăn, vợ chồng thiếu sự thông cảm, chia sẻ với nhau. Từ năm 2016 vợ chồng không sống chung. Hiện tại, cả hai tự nguyện ly hôn, đã thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con chung và nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con sau ly hôn và về tài sản chung.

Như vậy, vợ chồng không thực hiện nghĩa vụ “*Thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình*” (Khoản 1 Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình) và “không cùng nhau xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc”, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần căn cứ quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, công nhận sự thuận tình ly hôn của các đương sự.

[3] Quan hệ con chung: Sự thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con chung sau ly hôn của anh Nguyễn Mạnh T và chị Phan Thị L là phù hợp với quy định pháp luật, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của con chung. Hiện tại cả hai đều không trực tiếp nuôi dưỡng con chung nên việc thỏa thuận nhờ bà Nguyễn Thị T1 (mẹ đẻ của chị L) thay chị L chăm sóc con chung trong thời gian chị L chưa về nước là phù hợp với thực tế.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung: Anh Nguyễn Mạnh T tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ kể từ thời điểm ly hôn đến khi con chung tròn 18 tuổi và được chị Phan Thị L đồng ý. Sự thỏa thuận này là tự nguyện, đúng quy định nên được chấp nhận.

[4] Quan hệ tài sản chung, nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

[5] Lệ phí: Anh Nguyễn Mạnh T tự nguyện chịu lệ phí hôn nhân và gia đình và chịu lệ phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 29, 35, 37, 39, 361, 367, 369, 370, 371, Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Khoản 3 Điều 2, các Điều 19, 51, 55, 81, 82, 83, 123, 127 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, Điều 35, 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Mạnh T và chị Phan Thị L.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận giao con chung Nguyễn Ngọc Á, sinh ngày 28/10/2016 cho chị Phan Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Trong thời gian chị L chưa về nước bà Nguyễn Thị T1 (mẹ đẻ chị L) tự nguyện chăm sóc con chung Nguyễn Ngọc Á thay chị L.

Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Mạnh T có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000đ từ thời điểm ly hôn đến khi con chung tròn 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định thay đổi của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được ngăn cản.

3. Về lệ phí giải quyết việc Hôn nhân gia đình: Chấp nhận sự tự nguyện nộp 300.000đ lệ phí ly hôn sơ thẩm của anh Nguyễn Mạnh T (đã nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tại biên lai số 0000317 ngày 14/10/2022 tại Cục thi hành án Dân sự tỉnh Hà Tĩnh). Anh Nguyễn Mạnh T phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) lệ phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ.

4. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân và gia đình không có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp không có quyền kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm đối với Quyết định này.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 27/01/2023.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh (2 bản);
- Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- UBND nơi thực hiện ĐKKH;
- Đương sự ;
- Lưu HS, TDS.

THẨM PHÁN- CHỦ TRÌ PHIÊN HỌP

Bùi Văn Lam

